

Số: 1397/QĐ-ĐHKT-QLKH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định về Nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017;

Căn cứ Quyết định số 2377/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2014-2017;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Căn cứ Quy định số 839/QyĐ-ĐHKT-TCHC của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khoa học - Hợp tác Quốc tế,

#### QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành Quy định về Nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Các văn bản trước đây có nội dung trái với Quy định tại Quyết định này không còn hiệu lực.
- Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng đơn vị và toàn thể giảng viên thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKH.



**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS. Nguyễn Đông Phong**

# QUY ĐỊNH

## Nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

(Ban hành theo Quyết định số 1397/QĐ-ĐHKT-QLKH ngày 11 tháng 5 năm 2015  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng bắt buộc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (NCKH): tất cả các giảng viên của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, bao gồm: giảng viên cao cấp (hạng I - Mã số: V.07.01.01), giảng viên chính (hạng II - Mã số: V.07.01.02) và giảng viên (hạng III - Mã số: V.07.01.03), kể cả giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc (tất cả các đối tượng giảng viên này sau đây được viết tắt là GV).

Đối tượng không bắt buộc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: cán bộ viên chức (CBVC) của Trường không phải là GV. Tuy nhiên, nếu các cá nhân này tham gia các hoạt động NCKH thì cũng áp dụng Quy định này, trừ các điều khoản liên quan đến định mức NCKH.

##### Điều 2. Các hoạt động NCKH

**2.1. Tham gia đề tài NCKH:** bao gồm đề xuất đề tài, viết thuyết minh tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài, chủ nhiệm đề tài, thành viên tham gia quá trình nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu. Xét theo cấp chủ quản và nguồn tài trợ cho nghiên cứu, các đề tài NCKH có thể được phân chia như sau:

- Đề tài cấp Nhà nước: Đề tài độc lập cấp Nhà nước, đề tài theo Nghị Định Thư.
- Đề tài cấp bộ và tương đương:
  - ◆ Đề tài cấp bộ: đề tài do Bộ GD&ĐT, Bộ KH-CN, các bộ khác quản lý (trong văn bản này, gọi vắn tắt là cấp bộ); các nhiệm vụ, dự án nghiên cứu – triển khai do Bộ chủ trì;
  - ◆ Đề tài nhánh thuộc chương trình KH-CN hoặc đề tài cấp Nhà nước;
  - ◆ Đề tài thuộc Chương trình KH-CN cấp bộ.
  - ◆ Đề tài hợp tác song phương do Bộ GD&ĐT quản lý: đề tài do Bộ GD&ĐT và các tổ chức nghiên cứu hoặc trường đại học nước ngoài đồng tài trợ;
  - ◆ Đề tài hợp đồng với các địa phương (cấp tỉnh/thành) do ngân sách nhà nước tài trợ;

◆ Đề tài, dự án nghiên cứu được tài trợ bởi các tổ chức nghiên cứu hoặc trường đại học nước ngoài, công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp trong nước hoặc các đơn vị khác (không được ngân sách nhà nước tài trợ): đăng ký và được Bộ GD&ĐT chấp nhận tương đương đề tài cấp Bộ).

- Đề tài cấp Trường do Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh phê duyệt.

## **2.2. Công bố kết quả nghiên cứu**

- Bài được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước;

- Sách chuyên khảo được xuất bản;

- Bài tham luận tại hội thảo khoa học có xuất bản kỷ yếu.

## **2.3. Chương trình tiên tiến**

- Xây dựng Chương trình đào tạo tiên tiến;

- Viết đề cương chi tiết (syllabus) môn học mới thuộc Chương trình đào tạo tiên tiến;

- Biên dịch giáo trình thuộc Chương trình đào tạo tiên tiến của Trường (giáo trình được Hội đồng Khoa học & Đào tạo chọn biên dịch).

## **2.4. Tham gia các hội đồng khoa học của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh**

- Hội đồng nghiệm thu các đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ (và tương đương), cấp Trường

- Hội đồng tư vấn tuyển chọn đề tài NCKH, tuyển chọn cá nhân hoặc tổ chức thực hiện, chủ trì đề tài NCKH; tuyển chọn đề tài NCKH của CBVC và sinh viên gửi dự thi các Giải thưởng NCKH.

- Hội đồng chấm Luận án tiến sĩ

## **2.5. Hướng dẫn sinh viên của Trường nghiên cứu khoa học.**

**2.6. Tư vấn** thuộc các lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên cho các đơn vị ngoài Trường.

## **2.7. Các hoạt động khoa học khác của Trường**

## **2.8. Các hoạt động khoa học được khuyến khích:**

- Chủ trì hoặc tham gia đề tài NCKH các cấp;

- Công bố kết quả nghiên cứu:

◆ Đăng bài trên các tạp chí quốc tế được xếp hạng trên ISI, SCOPUS, hoặc ABDC;

- ◆ Đăng bài trên tạp chí trong nước trong danh mục được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước (HĐCDGSNN) công nhận;
- ◆ Viết bài tham luận tại các hội thảo khoa học trong và ngoài nước;
- ◆ Xuất bản sách chuyên khảo.

## Chương II

### ĐỊNH MỨC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG NĂM HỌC

#### Điều 3. Định mức NCKH

Giảng viên phải dành tối thiểu 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để NCKH, tương đương 587 giờ/năm ( $= 40 \text{ giờ/tuần} \times 44 \text{ tuần} \times 1/3 = 1760 \text{ giờ} \times 1/3$ ). Định mức này được cụ thể hóa tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh như sau:

- NCKH phục vụ giảng dạy Chương trình tiên tiến (áp dụng cho năm 2015 và 2016): đọc tài liệu, biên soạn bài giảng, bài tập, đề thi, tài liệu tham khảo, giáo trình, biên dịch tài liệu ... (các công việc này do khoa phân công): 200 giờ

- Thực hiện các hoạt động NCKH quy định tại Điều 2: tối thiểu 387 giờ ( $= 587 - 200$ ).

#### Điều 4. Các trường hợp miễn, giảm định mức NCKH

Giảng viên thuộc các đối tượng sau đây được miễn, giảm số giờ định mức NCKH để thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 2. Định mức cho mỗi đối tượng cụ thể như sau:

	Giảng viên	Định mức
1	Giảng viên tập sự	0
2	Giảng viên mới, năm thứ nhất	$50\% \times 387 \text{ giờ} = 194 \text{ giờ}$
3	Giảng viên mới, năm thứ hai	$70\% \times 387 \text{ giờ} = 271 \text{ giờ}$
4	Giảng viên được Trường cử đi học sau đại học:	
	- Thuộc diện học tập trung	0
	- Thuộc diện học không tập trung	$50\% \times 387 \text{ giờ} = 194 \text{ giờ}$
	- Trong thời gian học quá hạn (căn cứ theo Quyết định của Hiệu trưởng) không được miễn, giảm định mức NCKH	387 giờ
5	Giảng viên nữ trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi được giảm định mức NCKH tương ứng với thời gian làm việc được giảm theo Bộ Luật Lao động hiện hành ( <i>60 phút</i> )	$387 \text{ giờ} - 73 \text{ giờ} = 314 \text{ giờ}$

	<b>Giảng viên</b>	<b>Định mức</b>
	<i>mỗi ngày làm việc</i> ). Định mức NCKH được giảm là 73 giờ (= 1 giờ/ngày x 5 ngày/tuần x 44 tuần x 1/3)	
6	Giảng viên đang đảm nhận công tác quản lý tại các đơn vị đào tạo	
	- Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa và tương đương	
	◆ Khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có 800 sinh viên trở lên	
	▪ Trưởng khoa	70% x 387 giờ = 271 giờ
	▪ Phó Trưởng khoa	75% x 387 giờ = 290 giờ
	◆ Khoa có dưới 40 giảng viên và có dưới 800 sinh viên	
	▪ Trưởng khoa	75% x 387 giờ = 290 giờ
	▪ Phó Trưởng khoa	80% x 387 giờ = 310 giờ
	- Trưởng bộ môn, Phó Trưởng bộ môn	
	◆ Trưởng bộ môn	80% x 387 giờ = 310 giờ
◆ Phó Trưởng bộ môn	85% x 387 giờ = 329 giờ	
7	Giảng viên đang đảm nhận công tác tại các đơn vị khối quản lý và phục vụ	0
8	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ kinh tế và Ban Giáo dục thể chất	50% x 387 giờ = 194 giờ
	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ kinh tế và Ban Giáo dục thể chất thuộc các trường hợp 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Điều này: áp dụng định mức 194 giờ với tỉ lệ miễn, giảm tương ứng.	
9	Giảng viên trong thời gian nghỉ thai sản, chữa bệnh dài ngày được miễn, giảm định mức NCKH tương ứng với thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội (căn cứ Quyết định có liên quan của Hiệu trưởng)	
10	Giảng viên chuyển đổi sang giảng dạy môn học mới được miễn, giảm định mức NCKH theo quyết định có liên quan của Hiệu trưởng	
11	Các trường hợp miễn, giảm khác theo quyết định có liên quan của Hiệu trưởng	

### Chương III

## QUY ĐỊNH SỐ GIỜ NCKH CỦA TỪNG HOẠT ĐỘNG

#### Điều 5. Tên của tác giả

Các hoạt động NCKH được tính giờ NCKH theo Quy định này là các hoạt động NCKH do GV/CBVC của Trường thực hiện. Công trình NCKH phải được ghi rõ tên tác giả là GV/CBVC của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh <sup>1</sup>

#### Điều 6. Quy định số giờ NCKH đối với các hoạt động NCKH, kinh phí NCKH và minh chứng kê khai NCKH

	Các hoạt động NCKH	Số giờ	Kinh phí	Minh chứng
<b>1</b>	<b>Thực hiện đề tài NCKH</b>			
1.1.	Hoàn thành đề tài cấp Nhà nước	3.000 giờ/đề tài	- Theo hợp đồng - Nguồn kinh phí từ cơ quan quản lý đề tài	- Hợp đồng - Biên bản nghiệm thu:
1.2.	Hoàn thành đề tài cấp bộ và tương đương	1.800 giờ/đề tài	- Theo hợp đồng - Nguồn kinh phí từ cơ quan quản lý đề tài	đề tài đạt từ trung bình trở lên
1.3.	Hoàn thành đề tài cấp Trường	600 giờ/đề tài	- Theo Quyết định của Hiệu trưởng; - Nguồn kinh phí của Trường	- Bản thanh lý hợp đồng
1.4.	Đề xuất tên đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ và tương đương (trong danh mục đề xuất của Trường, đề xuất này được đơn vị chủ quản đưa vào danh mục tuyển chọn chủ trì đề tài)	50 giờ/đề xuất	- 50 x đơn giá tiết giảng chuẩn theo chức danh (theo qui chế chi tiêu nội bộ) - Nguồn kinh phí của Trường	- Bản đề xuất của cá nhân - Danh mục đề tài của đơn vị chủ quản
1.5.	Thuyết minh đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ và tương đương (được Trường gửi tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài)	100 giờ/đề tài	- 100 x đơn giá tiết giảng chuẩn theo chức danh (theo qui chế chi tiêu nội bộ) - Nguồn kinh phí của Trường	Thuyết minh tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài
1.6.	Đề tài NCKH của giảng viên đạt giải thưởng <sup>2</sup>	200 giờ/đề tài <sup>3</sup>	Nguồn kinh phí của BTC Giải thưởng	Quyết định của BTC Giải thưởng
<b>2</b>	<b>Công bố kết quả nghiên cứu</b>			

<sup>1</sup> Ví dụ: Nguyễn Văn A

Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh (hoặc University of Economics Ho Chi Minh City)

<sup>2</sup> Giải thưởng Tài năng khoa học trẻ Việt Nam của Bộ GD&ĐT dành cho giảng viên trẻ hoặc các Giải thưởng NCKH khác của các bộ hoặc tỉnh/thành phố thuộc TW

<sup>3</sup> Được tính 200 giờ NCKH vào năm đạt Giải thưởng

	<b>Các hoạt động NCKH</b>	<b>Số giờ</b>	<b>Kinh phí</b>	<b>Minh chứng</b>
2.1.	Bài đăng tạp chí ISI, hoặc đạt Scopus Q1, A, A* thuộc ABDC	6.000 giờ/bài		
2.2.	Bài đăng tạp chí đạt Scopus Q2	4.000 giờ/bài		
2.3.	Bài đăng tạp chí đạt Scopus Q3,Q4; hoặc hạng B thuộc ABDC	3.000 giờ/bài		
2.4.	Bài đăng tạp chí hạng C thuộc ABDC hoặc đăng trên tạp chí quốc tế (có ISSN) chưa đạt tiêu chuẩn mục 2.1, 2.2, 2.3 trên đây	800 giờ/bài		Bài đăng trên Tạp chí hoặc Thư chấp nhận của tạp chí
2.5.	Tạp chí trong nước thuộc danh mục tạp chí được HEC/DGSNN chấp nhận: - Tạp chí 01 điểm - Các tạp chí khác	800 giờ/bài 600 giờ/bài		
2.6.	Bài đăng trên tạp chí khoa học khác trong nước có ISSN	300 giờ/bài		
	Bài tham luận tại hội thảo khoa học:			
2.7.	- Kỷ yếu Hội thảo được xuất bản, hoặc bài tham luận được công bố toàn văn trên website của đơn vị tổ chức hội thảo (có ISBN)	600 giờ/bài	Theo quy chế chi tiêu nội bộ	Bìa & Mục lục Kỷ yếu Hội thảo hoặc địa chỉ website công bố bài tham luận
	- Không xuất bản kỷ yếu nhưng có công bố tóm tắt bài tham luận trên website của đơn vị tổ chức	200 giờ/bài		Địa chỉ website công bố bài tham luận
	- Trường hợp khác (không xuất bản kỷ yếu và không công bố bài tham luận trên website của đơn vị tổ chức)	100 giờ/bài		Mục lục tài liệu Hội thảo và bài tham luận
2.8.	Xuất bản sách chuyên khảo thuộc các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu của Trường:			
	- Trong danh mục nhà xuất bản được cập nhật tại <a href="http://www.tinbergen.nl/research-institute/journal-classification.php">http://www.tinbergen.nl/research-institute/journal-classification.php</a> - Nhà xuất bản khác	6.000 giờ/đầu sách 2.000 giờ/đầu sách		Sách chuyên khảo
<b>3</b>	<b>Xây dựng Chương trình tiên tiến của Trường</b>			
3.1.	Xây dựng hoàn chỉnh Chương trình	300 giờ/ chương trình	Theo quy chế chi tiêu nội bộ	- Chương trình được Hội đồng

	<b>Các hoạt động NCKH</b>	<b>Số giờ</b>	<b>Kinh phí</b>	<b>Minh chứng</b>
				KH&ĐT Trường thông qua - Danh sách những người tham gia xây dựng Chương trình và số giờ tham gia của mỗi người do khoa lập
3.2.	Viết đề cương chi tiết (syllabus) môn học	50 giờ/môn		- Đề cương hoàn chỉnh được khoa thông qua - Danh sách GV viết đề cương do khoa lập
3.3.	- Biên dịch tài liệu (tài liệu do Hội đồng KH&ĐT Trường quyết định chọn biên dịch) - Hiệu đính, biên tập tài liệu biên dịch	600 giờ/tín chỉ  100 giờ/tín chỉ	- Theo Quyết định của Hiệu trưởng; - Nguồn kinh phí của Trường hoặc của nhà xuất bản	Bản dịch tiếng Việt và biên bản nghiệm thu đạt từ trung bình trở lên
3.4.	Viết tài liệu học tập các môn học trong chương trình đào tạo của Trường (bao gồm bài tập, tình huống, v.v...)	200 giờ/tín chỉ	- Theo Quyết định của Hiệu trưởng; - Nguồn kinh phí của Trường	- Hợp đồng - Biên bản nghiệm thu đạt từ trung bình trở lên - Bản thanh lý hợp đồng
<b>4</b>	<b>Tham gia các hội đồng khoa học của Trường</b>			
4.1.	Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Nhà nước:		Theo qui định quản lý đề tài cấp Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ	Quyết định thành lập và biên bản họp Hội đồng
	- Chủ tịch Hội đồng, các phản biện (viết nhận xét phản biện và họp Hội đồng)	80 giờ/người		
	- Các thành viên khác (viết nhận xét và họp HĐ)	50 giờ/người		
4.2.	Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp bộ và tương đương:		Theo qui định quản lý đề tài cấp bộ và Quy chế chi tiêu nội bộ	
	- Chủ tịch hội đồng và các phản biện (viết nhận xét phản biện và họp hội đồng)	60 giờ/người		
	- Các ủy viên khác (viết nhận xét và họp hội đồng)	40 giờ/người		
4.3.	Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Trường, tình huống học		Theo quy chế chi tiêu nội bộ	



	<b>Các hoạt động NCKH</b>	<b>Số giờ</b>	<b>Kinh phí</b>	<b>Minh chứng</b>
	tập: - Chủ tịch hội đồng và các phản biện (viết nhận xét phản biện và họp hội đồng) - Các ủy viên khác (viết nhận xét và họp hội đồng)	50 giờ/người 30 giờ/người		
4.4.	Hội đồng nghiệm thu tài liệu biên dịch	80 giờ/người		
	Châm Luận án tiến sĩ: - Phản biện độc lập - Chủ tịch hội đồng và các phản biện (viết nhận xét phản biện và họp hội đồng) - Các ủy viên khác (viết nhận xét và họp hội đồng)	50 giờ/người 50 giờ/người 30 giờ/người		Danh sách những người tham gia do Viện Đào tạo SDH cung cấp
4.6.	Tư vấn thuyết minh đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp bộ và cấp Trường	20 giờ/đề tài		Bản nhận xét Thuyết minh
<b>5</b>	<b>Hướng dẫn sinh viên của Trường NCKH<sup>4</sup></b>			
5.1.	Hướng dẫn đề tài đạt giải cấp Bộ <sup>5</sup> - Giải 1 và 2 - Giải 3 và Giải khuyến khích	100 giờ/đề tài 70 giờ/đề tài		Quyết định của Bộ
5.2.	Hướng dẫn đề tài đạt giải thưởng EUREKA - Giải đặc biệt - Giải 1 và 2 - Giải 3 và giải khuyến khích	100 giờ/đề tài 80 giờ/đề tài 60 giờ/đề tài		Quyết định của Ban Tổ chức Giải thưởng
5.3.	Hướng dẫn đề tài đạt giải Nhà Kinh tế trẻ UEH	50 giờ/đề tài	Theo quy chế chi tiêu nội bộ	Quyết định của Trường
5.4.	Hướng dẫn đề tài được Hội đồng đánh giá của Trường chấm điểm từ 7/10 trở lên	30 giờ/đề tài		Quyết định của Trường
5.5.	Tham gia hội đồng chấm và tuyển chọn đề tài NCKH của SV gửi tham dự các giải thưởng	5 giờ/đề tài		
5.6.	Tham gia hội đồng tuyển chọn đề tài NCKH của GV gửi tham dự các giải thưởng	5 giờ/đề tài		
<b>6</b>	<b>Các hoạt động khác</b>			
	Số giờ hoạt động NCKH tương ứng với các hoạt động khác sau đây được cá nhân/đơn vị có liên quan đề xuất và Phòng QLKH-HTQT trình Ban Giám Hiệu xem xét từng trường			

<sup>4</sup> Nếu 1 công trình NCKH của sinh viên đạt nhiều giải thưởng, GV hướng dẫn được tính giờ hoạt động NCKH tương ứng với giải cao nhất của công trình đó.

<sup>5</sup> Giải thưởng Tài năng khoa học trẻ Việt Nam của Bộ GD&ĐT hoặc Giải thưởng của các bộ khác dành cho sinh viên NCKH

Các hoạt động NCKH	Số giờ	Kinh phí	Minh chứng
<p>hợp cụ thể (tối đa 200 giờ/người mỗi năm):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn về kinh tế, kinh doanh, luật pháp, chính trị, xã hội ... thuộc lĩnh vực chuyên môn của giảng viên cho các đơn vị ngoài Trường (căn cứ hợp đồng tư vấn, biên bản nghiệm thu đạt yêu cầu và biên bản thanh lý hợp đồng);</li> <li>- Phổ biến kiến thức khoa học phục vụ đời sống;</li> <li>- Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH của Trường;</li> <li>- Tham gia Ban chuyên môn các cuộc thi học thuật và các hoạt động khoa học khác của Trường;</li> <li>- Biên dịch, phiên dịch phục vụ hội thảo khoa học quốc tế; huấn luyện sinh viên, CBVC của Trường thi đấu thể thao đạt giải các cấp;</li> <li>- Các hoạt động khác.</li> </ul>			

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Phân chia số giờ NCKH**

Nếu hoạt động NCKH do nhóm tác giả thực hiện, số giờ NCKH tương ứng với hoạt động đó (gọi vắn tắt là số giờ) được phân chia như sau:

- Nhóm tác giả trên 3 người: chủ nhiệm đề tài được 1/3 số giờ, 2/3 số giờ chia đều cho các thành viên khác;

- Nhóm tác giả gồm 3 người, chủ nhiệm được 1/2 số giờ, 1/2 số giờ chia đều cho 2 thành viên khác;

- Nhóm tác giả gồm 2 người, chủ nhiệm được 2/3 số giờ, thành viên còn lại được 1/3 số giờ;

- Cách phân chia khác: tùy theo vai trò cụ thể của từng tác giả trong nhóm nghiên cứu, nhóm có thể chọn cách phân chia khác gửi cho Phòng QLKH-HTQT sau khi công trình nghiên cứu được nghiệm thu hoặc được công bố.

#### **Điều 8. Thời điểm tính giờ NCKH và bảo lưu số giờ NCKH**

##### **8.1. Thời điểm tính giờ NCKH**

Hoạt động NCKH được tính giờ NCKH trong năm hoàn thành (nghiệm thu/công bố kết quả nghiên cứu/thanh lý hợp đồng).

##### **8.2. Bảo lưu số giờ NCKH vượt định mức**

Số giờ hoạt động NCKH vượt định mức được bảo lưu tối đa 03 năm tiếp theo năm hoàn thành, cụ thể như sau:

- 3 năm đối với công bố quốc tế hoặc đề tài cấp nhà nước

- 2 năm đối với đề tài cấp bộ/tương đương

- 1 năm đối với các trường hợp:

◆ đề tài cấp Trường, biên soạn tình huống học tập, biên soạn giáo trình/tài liệu học tập, biên dịch tài liệu;

◆ bài đăng trên tạp chí trong nước (tạp chí được HĐCDGSNN chấp nhận);

◆ bài đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học được xuất bản, bài tham luận được công bố trên website của đơn vị tổ chức hội thảo

- Các hoạt động khoa học khác hoàn thành năm nào tính được tính giờ NCKH cho năm đó, không bảo lưu cho các năm sau.

#### **Điều 9. Quy đổi số giờ hoạt động NCKH vượt định mức thành số giờ chuẩn giảng dạy**

- Số giờ NCKH vượt định mức được quy đổi thành số giờ chuẩn giảng dạy trong các trường hợp:

◆ Các môn học có ít giờ giảng do ít sinh viên hoặc do thay đổi chương trình đào tạo nên giảng viên không có giờ giảng đủ định mức, số giờ NCKH vượt định mức trong năm của giảng viên được quy đổi thành giờ chuẩn giảng dạy;

◆ Trường hợp khác theo của Quyết định Hiệu trưởng.

- Tỷ lệ quy đổi: 2 giờ NCKH = 1 giờ chuẩn giảng dạy.

- Số giờ chuẩn giảng dạy được quy đổi theo quy định này là một trong những căn cứ để đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của GV trong năm, không phải là căn cứ để tính tiền giảng vượt định mức.

- Số giờ NCKH vượt định mức trong năm đã được quy đổi thành số giờ chuẩn giảng dạy không được bảo lưu sang các năm sau.

#### **Điều 10. Khấu trừ thu nhập do không hoàn thành định mức NCKH**

Trường hợp giảng viên không hoàn thành định mức NCKH trong năm thì phần thiếu định mức được cộng vào định mức NCKH một năm kế tiếp. Đến cuối năm kế tiếp, nếu giảng viên vẫn

không hoàn thành định mức NCKH thì phần thiếu định mức này được quy đổi để khấu trừ thu nhập: 2 giờ NCKH = 1 giờ chuẩn giảng dạy với đơn giá giờ chuẩn tại thời điểm khấu trừ.

#### **Điều 11. Kế khai các hoạt động NCKH và thống kê giờ NCKH**

Các hoạt động NCKH do Trường tổ chức hoặc chủ trì: Phòng QLKH-HTQT tổng hợp và tính giờ NCKH cho GV.

Các hoạt động NCKH do khoa hoặc các đơn vị ngoài Trường tổ chức: GV kê khai kèm theo minh chứng được quy định tại Điều 6 trên đây. Thời điểm kê khai: ngay sau khi hoàn thành NCKH hoặc chậm nhất là vào tháng 12 hàng năm theo thông báo của Trường.

Bảng thống kê tổng hợp các hoạt động NCKH của từng khoa được Phòng QLKH-HTQT gửi đến các khoa vào cuối tháng 12 hàng năm để đối chiếu, kiểm tra trước khi làm căn cứ tính điểm thi đua, khen thưởng hoặc khấu trừ thu nhập.

#### **Điều 12. Điều khoản thi hành**

Số giờ NCKH còn thừa của năm 2014 được bảo lưu theo Điều 8 của Quy định này.

Quy định này được áp dụng cho các hoạt động NCKH từ năm 2015 của GV Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Quy định này thay thế Quy định được ban hành theo Quyết Định số 467/QĐ-ĐHK-QLKH-HTQT ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh./.